

Bản án số: 55/2018/HS-ST
Ngày: 13-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Tân

Ông Trần Văn Hưng

Thư ký Phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia Phiên tòa: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN MINH N, sinh năm: 1991 tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1958 và bà Phan Thị N, sinh năm: 1966; Sống chung như vợ chồng với: Lê Phạm Diễm M, sinh năm: 1992; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2017, tạm giam ngày 30/11/2017. (Có mặt)

2. VÕ PHÚ C (Toàn), sinh năm: 1987 tại tỉnh An Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã MA, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số 29B3, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn N, sinh năm: 1959 và bà Võ Thị Kim Y, sinh năm: 1959; Vợ: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1988; Có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2017, tạm giam ngày 30/11/2017. (Có mặt)

3. NGUYỄN QUỐC C, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 276B, khu phố M, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1969 và bà Trần Thị A, sinh năm: 1974; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2017, tạm giam ngày 30/11/2017. (Có mặt)

4. TRẦN MẠNH P (Bi, Ngáo), sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 67/1, đường CT, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị Kim C, sinh năm: 1968; Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2017, tạm giam ngày 30/11/2017. (Có mặt)

- *Bị hại:*

Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1994;

Nơi cư trú: Số 187C, ấp TH, xã TL, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Số 276B, khu phố M, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Lê Văn H, sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Số 246, ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 679E, ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 24/11/2017, Nguyễn Minh N, Trần Mạnh P, Nguyễn Quốc C đến phòng trọ của Võ Phú C ở số 29B3, khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre chơi. Tại đây, khi Quốc C đi mua cơm, trong phòng trọ còn lại N, P và Phú C thì N rủ P và Phú C đi giật tài sản của người đi đường về bán lấy tiền tiêu xài, được cả hai đồng ý. Một lúc sau khi Quốc C về, N nói lại việc rủ cả nhóm đi giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì cũng được Quốc C đồng ý. Sau khi ăn cơm xong, để thực hiện ý định, Phú C điều khiển xe mô tô biển số 51P4-6656 chở N còn Quốc C chạy xe mô tô biển số 71B1-183.38 chở P chạy về hướng xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực lộ Bờ Đắp cả nhóm vào quán ngồi uống nước mía thì Phú C tiếp tục rủ cả nhóm tìm ai có tài sản thì giật lấy bán lấy tiền tiêu xài và để Phú C chở N thực hiện hành vi giật tài sản còn Quốc C chở P đi sau hỗ trợ thì cả nhóm tiếp tục đồng ý nên tiếp tục chở nhau chạy đi (Phú C chở N chạy trước, Quốc C chở P chạy sau). Khi đến khu vực vòng xoay PH, N ngồi sau phát hiện chị Nguyễn Hồng T đang ngồi trên xe mô tô và sử dụng điện thoại di

động hiệu Iphone, loại 7plus màu đen nên chỉ cho Phú C biết. Phú C liền chở N quay lại áp sát vào xe chị T để N ngồi sau dùng tay phải giật lấy điện thoại Iphone loại 7plus của chị T rồi tăng ga xe bỏ chạy về hướng ngã tư T, rẽ về hướng xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Ngay lập tức, chị T vừa truy hô vừa đuổi theo và đụng vào xe của Phú C đang chạy làm cho Phú C và N ngã xuống lộ. Lúc này, Quốc C và P cũng chạy xe tới, P xuống xe định lại lấy xe của Phú C để chở N tẩu thoát thì bị bắt giữ cùng với N và tang vật, còn Quốc C chạy xe lên chở Phú C về phòng trọ 29B3, khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lẫn trốn nhưng sau đó cũng bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Tang vật thu được gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen, số imei: 355839086299668;

- 01 xe mô biển số 71B1-183.38 nhãn hiệu Dayang, màu đen, số khung: DY1001211522, số máy: 150FM1211522;

- 01 xe mô tô biển số 51P4-6656, không rõ nhãn hiệu, màu nâu, số khung: LZ8WCPLLIY6D57092, số máy: không có.

Theo Bản Kết luận định giá trị tài sản số 1217/KL-HĐĐG ngày 12/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen, số imei: 355839086299668 trị giá vào ngày 24/11/2017 là 14.992.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSTPBT ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Pên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C, Trần Mạnh P phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 03 năm 6 tháng đến 04 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Võ Phú C từ 03 đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P từ 02 đến 03 năm tù.

- Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus cho bị hại Nguyễn Thị Hồng T, trả 01 xe mô tô biển số 71B1-183.38 cho ông Nguyễn Thanh L; Ghi nhận các bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận bồi thường dân sự xong cho bị hại với số tiền 1.000.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy: 01 xe mô tô biển số 51P4-6656, không rõ nhãn hiệu, màu nâu, số khung: LZ8WCPLLIY6D57092, số máy: không có. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Các bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 15 giờ ngày 24/11/2017, các bị cáo gặp nhau và bị cáo N rủ cả nhóm đi cướp giật tài sản thì tất cả đồng ý. Để thực hiện ý định, các bị cáo điều khiển xe mô tô xuống khu vực xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre và vào uống nước tại một quán nước tại lộ Bờ Đắp. Tại đây, bị cáo Phú C tiếp tục rủ các bị cáo khác đi cướp giật và được tất cả đồng ý, các bị cáo thỏa thuận Phú C chở N chạy trước thực hiện hành vi giật tài sản còn Quốc C chở P chạy sau hỗ trợ nếu bị bắt. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực vòng xoay PH thì N phát hiện bị hại Nguyễn Hồng T nên chỉ cho Phú C biết để điều khiển xe mô tô áp sát vào bên trái xe của bị hại để N ngồi sau giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen rồi tăng ga tẩu thoát. Lúc này, bị hại T truy hô và đuổi theo xe của bị cáo Phú C và N làm xe của Phú C và N ngã xuống, bị cáo Quốc C chở P chạy đến để P hỗ trợ tẩu thoát nhưng P và N bị mọi người bắt giữ cùng tang vật, bị cáo Quốc C và Phú C chạy thoát nhưng sau đó bị bắt. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chị Nguyễn Hồng T trình bày: Vào ngày 24/11/2017, tại vòng xoay PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, chị bị các bị cáo giật lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen. Liên ngay lúc đó, chị vừa truy hô và đuổi theo cùng người dân bắt giữ các bị cáo. Hiện chị đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đồng thời đã nhận số tiền 1.000.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường dân sự và không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Tòa án, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P tại phiên tòa là vào khoảng 17 giờ 10 phút ngày 24/11/2017 tại khu vực vòng xoay PH thuộc ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P đã có hành vi câu kết với nhau sử dụng xe mô tô áp sát giật của chị Nguyễn Hồng T 01 điện thoại di động hiệu Iphone loại 7 Plus thì bị bắt quả tang thu giữ tang vật. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Giá trị tài sản của bị hại bị chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xác định là 14.992.500 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì, Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với các bị cáo. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi dùng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ tham gia giao thông để áp sát vào bị hại nhằm giật tài sản là nguy hiểm và vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết tăng nặng “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng sự thiếu cảnh giác của bị hại để bất ngờ giật lấy tài sản của họ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Minh N là người rủ rê khởi xướng và cũng là người trực tiếp giật tài sản của bị hại, bị cáo Phú C cũng có lời rủ rê và cũng là người chở bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo Phú C và N phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác; Bị cáo Quốc C và P giữ vai trò là người giúp sức, khi các bị cáo Phú C và N rủ đi cướp giật tài sản thì các bị cáo đồng ý ngay và chạy sau để hỗ trợ giải vây.

Mặc dù nhân thân của các bị cáo Nguyễn Minh N và Võ Phú C được xác định là không có tiền án tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy các bị cáo đã bị Tòa án kết án về các tội chiếm đoạt tài sản; Bị cáo Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng như đã tác động gia đình bồi thường dân sự xong cho bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Riêng bị cáo N và Phú C còn có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P có nhân thân tốt, giữ vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự

năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt các bị cáo Quốc C và P dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Hồng T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen, đồng thời đã nhận 1.000.000 đồng tiền bồi thường dân sự từ gia đình các bị cáo và không yêu cầu gì khác là tự nguyện nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã trao trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus cho bị hại Nguyễn Thị Hồng T, trả 01 xe mô tô biển số 71B1-183.38 cho ông Nguyễn Thanh L.

Đối với 01 xe mô tô biển số 51P4-6656, không rõ nhãn hiệu, màu nâu, số khung: LZ8WCPLLIY6D57092, số máy: không có, qua kết quả giám định và trả lời của Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Bến Tre xác định không tìm thấy dữ liệu của xe mô tô trên. Vì vậy, đây là phương tiện cầm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C (Toàn), Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P (Bi, Ngáo) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2017.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Võ Phú C (Toàn) 03 (ba) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2017.

1.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2017.

1.4. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh P (Bi, Ngáo) 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2017.

2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

Ghi nhận bị hại Nguyễn Hồng T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus, màu đen, đồng thời đã nhận 1.000.000 (một triệu) đồng tiền bồi thường dân sự từ gia đình các bị cáo và không yêu cầu gì khác.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã trao trả (một) 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, loại 7 Plus cho bị hại Nguyễn Thị Hồng T; trả 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-183.38 cho ông Nguyễn Thanh L.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) xe mô tô biển số 51P4-6656, không rõ nhãn hiệu, màu nâu, số khung: LZ8WCPLLIY6D57092, số máy: không có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý)

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Nguyễn Minh N, Võ Phú C, Nguyễn Quốc C và Trần Mạnh P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (1b);
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang (1b);
- UBND phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường M, quận P, TPHCM (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (6b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình